

Số: 122/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2021/UBTVQH14 ngày 30/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản sau ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc HNGĐ:

1. **Anh Nguyễn Thanh Á**, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn T, xã V, thành phố Đà Nẵng;

2. **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn T, xã V, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Thanh Á và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố Đà Nẵng vào ngày 18/11/2025, giấy CNKH số 58/2025. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân vợ chồng thì thấy: Anh Á1 và chị H chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 2 năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay anh Á và chị H xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa vợ chồng.

Xét sự thuận tình ly hôn giữa vợ chồng là tự nguyện, phù hợp với thực tế và không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Anh Á và chị H thống nhất khai vợ chồng 01 con chung là Nguyễn Khả H1, sinh ngày 30/9/2024.

Nay ly hôn anh Á và chị H tự nguyện thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Khả H1, sinh ngày 30/9/2024 cho cha (anh Á) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Vợ chồng thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Xét thỏa thuận giao nuôi con chung giữa anh Ánh và chị H là hợp pháp, phù hợp với thực tế nên công nhận.

[3] **Về tài sản chung:** Anh Ánh và chị H khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. **Về lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Anh Ánh và chị H phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận ý kiến thuận tình ly hôn ngày 15/4/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh Á và chị Nguyễn Thị H.

1.2. Về con chung: Sau ly hôn anh Nguyễn Thanh Á là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Khả H1, sinh ngày 30/9/2024 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Anh Ánh và chị H thống nhất chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung: Anh Ánh và chị H thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà anh Nguyễn Thanh Á và chị Nguyễn Thị H phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) anh Ánh, chị H đã nộp theo biên lai thu số 0003868 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 11-Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Hùng